

# Thực trạng phát triển đại lý thuế tại Việt Nam: Cơ sở thực tiễn và khuyến nghị chính sách

Nguyễn Thị Lệ Thúy\*

Ngày nhận: 21/7/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/9/2015

Ngày duyệt đăng: 25/9/2015

## Tóm tắt:

*Bài viết nghiên cứu thực trạng phát triển đại lý thuế, chỉ ra những hạn chế về số lượng đại lý thuế, số lượng cá nhân được cấp chứng chỉ làm dịch vụ về thuế, sự tham gia của các cá nhân được cấp chứng chỉ vào các đại lý thuế, quy mô đại lý thuế, loại hình dịch vụ và thực trạng sử dụng dịch vụ đại lý thuế tại Việt Nam. Bài viết cũng chỉ ra những rào cản chủ yếu về chính sách của Nhà nước và đề xuất ban hành Luật đại lý thuế làm cơ sở pháp lý cho sự phát triển, hoàn thiện quan điểm và mục tiêu chính sách phát triển đại lý thuế, đổi mới chính sách đăng ký thành lập, hoạt động và chính sách đào tạo, hỗ trợ thông tin cho đại lý thuế, hoàn thiện chính sách tuyên truyền dịch vụ đại lý thuế.*

**Từ khóa:** Đại lý thuế, thủ tục về thuế, chính sách.

## Tax agent development in Viet Nam: Empirical evidences and policy recommendations

### Abstract

*This article examines the current status of tax agent development, and points out the limitations regarding the number of tax agents, the number of individuals certified as tax procedure service providers, certified individual's participation in tax agents, tax agent scale, types of tax agent services and the uses of tax agent services in Vietnam. The author also points out the key barriers regarding the state policies and gives suggestions on the enactment of a tax agent law as a legal basis for the development and improvement of stand-points and objectives of policies for tax agent development, renewal of policies for tax agent registration and operations; training and information supporting to tax agents; communication and dissemination of tax agent services.*

*Keywords:* tax agents, tax policy, tax procedures

### 1. Đặt vấn đề

Đại lý thuế là tổ chức/cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục thuế cho người nộp thuế như đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, khiếu nại về thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và thậm chí là đại diện cho người nộp thuế trước cơ quan thuế (OECD, 2008). Đại lý thuế giúp người nộp thuế làm các thủ tục về thuế, giảm rủi ro tuân thủ và chi phí thực hiện thủ tục về thuế, đồng thời giúp cơ quan thuế giảm gánh nặng quản lý thuế. Đại lý thuế còn là một tác nhân quan trọng trong đề xuất đổi mới chính sách thuế và quản lý thuế của một quốc gia.

Nhận thức vai trò của đại lý thuế, năm 2006,

Quốc hội đã ban hành Luật Quản lý thuế- cơ sở pháp lý đầu tiên cho sự ra đời của hình thức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục thuế. Từ đó đến nay, doanh nghiệp có thể ký hợp đồng với đại lý thuế để được cung cấp các dịch vụ này. Vậy sau gần 10 năm được pháp luật công nhận, đại lý thuế ở Việt Nam đã phát triển ra sao so với kỳ vọng của các nhà lập chính sách? Đã có một số nghiên cứu về phát triển đại lý thuế như Lê Xuân Trường (2004), Lê Xuân Trường (2009), Nguyễn Thị Thành Hoài (2010), Nguyễn Cẩm Tâm (2012), Nguyễn Cẩm Tâm (2013), Nguyễn Thanh Tú (2013), Nghi Thùy (2014). Các nghiên cứu nói trên đã ban đầu phân tích sự phát triển đại lý thuế cả về dịch vụ thuế công

và dịch vụ thuế tư, đề cập đến một số khía cạnh quản lý nhà nước về dịch vụ đại lý thuế. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào thể hiện một cách thỏa đáng bức tranh đại lý thuế tại Việt Nam, phát hiện ra những vấn đề và đề xuất chính sách thúc đẩy phát triển đại lý thuế.

Bài viết dựa trên khung lý thuyết về chính sách phát triển đại lý thuế, tập trung phát hiện thực trạng phát triển đại lý thuế, lý giải hạn chế chính sách hiện hành và đề xuất khuyến nghị phát triển đại lý thuế tại Việt Nam trên cơ sở sử dụng phương pháp điều tra, nghiên cứu tình huống, tổng hợp, so sánh chuỗi và so sánh chéo.

## 2. Thực trạng phát triển đại lý thuế tại Việt Nam

### 2.1. Về số lượng đại lý thuế

Sau gần 10 năm thực hiện Luật Quản lý thuế, thị trường cung cấp dịch vụ đại lý thuế ở Việt Nam vẫn còn rất sơ khai, được thể hiện qua số liệu khiêm tốn về số lượng đại lý thuế.

Năm 2010, cả nước chỉ mới có 41 đại lý, đạt 87 đại lý vào năm 2011, 105 đại lý vào năm 2012 và đến hết quý 1/2015 mới chỉ có 222 đại lý thuế được thành lập và hoạt động. Số đại lý thuế còn quá khiêm tốn so với mục tiêu 3000 đại lý thuế được đặt ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế Việt Nam

2011- 2020 (Thủ tướng Chính phủ, 2011).

Về phân bố theo địa bàn, 222 đại lý thuế được phân bố ở 30 tỉnh, thành phố và tập trung tại một số tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội có 74 đại lý chiếm 33,3%, Thành phố Hồ Chí Minh có 82 đại lý chiếm 37%. 28 tỉnh thành phố khác chỉ có 66 đại lý, chiếm 29,7%. Một số tỉnh có 7 đại lý thuế như Bà Rịa, Vũng Tàu, Bình Dương. Quảng Ninh có 6 đại lý. Đồng Nai có 5 đại lý. Khánh Hòa, Hải Phòng, Đắk Lắk: mỗi tỉnh có 4 đại lý. Cần Thơ là 3 đại lý. Bến Tre, Vĩnh Phúc, Quảng Ngãi, Trà Vinh, Hải Dương, Gia Lai: mỗi tỉnh có 2 đại lý. 13 tỉnh còn lại mỗi tỉnh chỉ có một đại lý.

Có thể nói, số lượng đại lý thuế hiện quá ít so với số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Theo số liệu từ Tổng cục Thuế, năm 2015, cả nước có hơn 700.000 doanh nghiệp, gần 200.000 hộ cá thể, và hơn 37.000.000 cá nhân thuộc diện quản lý của cơ quan thuế, trong khi đó số đại lý thuế chỉ vắn vắn có 222, chỉ bằng 0,032% số doanh nghiệp và chỉ bằng 0,00056% số người nộp thuế. Số liệu này cho thấy sự thiếu hụt rất lớn về số lượng đại lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế nói chung và doanh nghiệp nộp thuế nói riêng.

Tương tự, Hà Nội hiện có 74 đại lý trong khi có đến 125.000 doanh nghiệp, 137 nghìn hộ cá thể và

**Bảng 1: Số lượng đại lý thuế giai đoạn 2010 – 2015 (đại lý)**

	2010	2011	2012	2013	2014	Quý 1/2015
<b>Tổng</b>	41	87	105	142	201	222
<b>Hà Nội</b>	-	-	35	49	60	74
<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>	-	-	43	52	65	82
<b>Các tỉnh/thành phố khác</b>	-	-	27	41	76	66

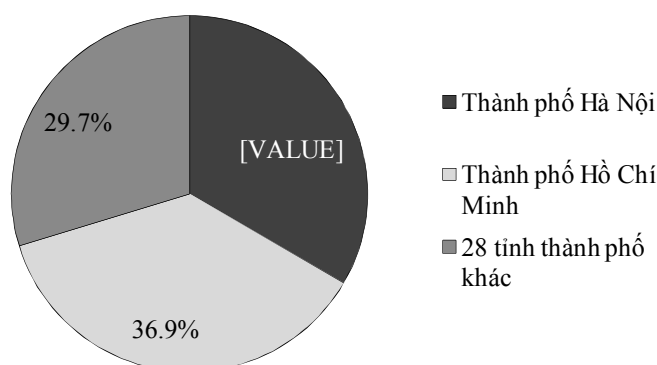
*Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2015)*

**Bảng 2: Số lượng đại lý thuế đến quý 1/2015 (đại lý)**

	Mỗi tỉnh	Tổng
Hà Nội	74	74
Thành phố Hồ Chí Minh	82	82
Bà Rịa, Vũng Tàu, Bình Dương	7	21
Quảng Ninh	6	6
Đồng Nai	5	5
Khánh Hòa, Hải Phòng, Đắk Lắk	4	12
Cần Thơ	3	3
Bến Tre, Vĩnh phúc, Quảng Ngãi, Trà Vinh, Hải Dương, Gia Lai	2	12
7 tỉnh còn lại	1	7
<b>Tổng</b>		<b>222</b>

*Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2015)*

**Hình 1: Phân bố đại lý thuế tại Việt Nam đến hết quý 1/2015 (%)**



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2015)

**Bảng 3: Số lượng đại lý thuế so với số người nộp thuế đến hết quý 1/2015**

	Hà Nội	Hồ Chí Minh	Cả nước
Số lượng đại lý thuế	74	82	222
Số doanh nghiệp	125.130	193.390	709.455
Số hộ cá thể	137.289	250.787	1.982.643
Số cá nhân nộp thuế	4.665.461	5.347.868	37.257.495

Nguồn: Tổng cục Thuế (2015)

trên 4,6 triệu cá nhân thuộc diện quản lý của cơ quan Thuế. Tình trạng tương tự cũng xảy ra đối với thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương khác.

Nếu so sánh với các nước ở khu vực châu Á thì số lượng đại lý thuế ở Việt Nam còn quá mỏng. Ở Malaysia, đại lý thuế ra đời từ năm 1967, năm 2006 đã có tới 2.500 đại lý đăng ký hoạt động. Ở Nhật Bản, năm 2011 đã có 2.140 đại lý là pháp nhân và 72.039 cá nhân làm dịch vụ thuế (Nguyễn Cẩm Tâm, 2012). Ở các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc... trên 90% doanh nghiệp kê khai nộp thuế qua hệ thống đại lý thuế, có nước số người hành nghề dịch vụ đại lý thuế còn nhiều hơn cả số nhân viên thuế vụ (Khánh Huyền, 2014).

Số lượng đại lý còn hạn chế là do chính sách của Nhà nước chưa công nhận các hình thức phát triển đa dạng của đại lý thuế, ràng buộc trách nhiệm của đại lý chưa được quy định cụ thể trong pháp luật. Bên cạnh đó thiếu quan điểm, mục tiêu phát triển đại lý thuế và chưa có một khung pháp lý thống nhất, đầy đủ cũng là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến thiếu định hướng hành vi kinh doanh của doanh nghiệp.

Số đại lý thuế quá ít kéo theo việc gia tăng áp lực lên dịch vụ thuế công đặc biệt trong bối cảnh số doanh nghiệp được cấp phép hoạt động ngày càng tăng, trong khi các chính sách thuế chưa hoàn thiện

gây hiểu nhầm cho người nộp thuế. Bối cảnh trên làm cho nhu cầu về dịch vụ đại lý thuế ngày càng trở nên cấp bách hơn, đặt ra sức ép với phát triển đại lý thuế trong giai đoạn sắp tới.

## 2.2. Về số lượng cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục thuế

Khía cạnh khác của sự phát triển là số cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Từ năm 2007 đến nay, số cá nhân được Tổng cục Thuế cấp chứng chỉ khoảng gần 360 người mỗi năm, tập trung khá đông vào các năm như 2009 là 559 người, năm 2013 là 745 người. Đến hết năm 2014, tổng số cá nhân được cấp chứng chỉ là 2053 người.

Có thể thấy số cá nhân được cấp chứng chỉ hàng năm còn hạn chế so với nhu cầu phát triển đại lý thuế. Nếu mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam có được 8000 đại lý (Thủ tướng Chính phủ, 2011) và yêu cầu mỗi đại lý ít nhất phải có 2 cá nhân được cấp chứng chỉ (Bộ Tài chính, 2012), thì giai đoạn 2015 – 2020, tổng số cá nhân cần được cấp chứng chỉ hàng năm sẽ cần khoảng 1.600 người, gấp đôi số cá nhân được cấp chứng chỉ hàng năm giai đoạn 2011-2015. Một trong những nguyên nhân của vấn đề là do giới hạn pháp luật về tổ chức được đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề.

**Bảng 4: Số người được cấp chứng chỉ hành nghề đại lý thuế (người)**

Năm							Quý
	2009	2010	2011	2012	2013	2014	1/2015
Số cá nhân được cấp chứng chỉ	559	292	321	78	745	158	
Tổng số cá nhân được cấp chứng chỉ *		851	1172	1250	1995	2153	
Số cá nhân làm việc tại các đại lý thuế	91	284	289	301	420	495	550

\*Ghi chú: cộng dồn các năm

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2015)

Một phát hiện khác cho thấy, mặc dù số cá nhân được cấp chứng chỉ đến hết năm 2014 là 2153 người, nhưng số cá nhân làm việc tại đại lý thuế lại rất ít. Năm 2014, con số này là 495 người/tổng số 2153 người có chứng chỉ. Tính đến hết quý 1/2015, số cá nhân làm việc tại đại lý thuế chỉ đạt con số 550 người. Như vậy, chỉ hơn 1/4 cá nhân đã có chứng chỉ hiện đang làm việc tại các đại lý thuế, 3/4 số cá nhân còn lại hiện chưa tham gia vào dịch vụ này. Đây là một sự lãng phí nguồn lực do sự phát triển đại lý thuế còn quá chậm và do chính sách của Nhà nước chưa công nhận đại lý thuế cá nhân.

### 2.3. Thực trạng quy mô của đại lý thuế

Trong nghiên cứu này quy mô đại lý thuế được xem xét theo tiêu chí “số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề tại đại lý thuế”.

Bảng 5 và hình 2 cho thấy quy mô quá nhỏ của đại lý thuế. Trung bình, mỗi đại lý chưa có được 3 nhân viên có chứng chỉ. Trong 222 đại lý đang hoạt động, chỉ có 18 đại lý (chiếm 8,1%) có quy mô lớn hơn mức trung bình với số nhân viên có chứng chỉ trên 4 người. Còn lại 19 đại lý tức 8,6% có 3 nhân viên có chứng chỉ, 185 đại lý tức hơn 83% chỉ có 2 nhân viên có chứng chỉ hành nghề. Quy mô quá nhỏ của đại lý xuất phát từ mong muốn sử dụng dịch vụ

còn yếu. Và đó là kết quả của Chính sách tuyên truyền dịch vụ đại lý thuế chưa đủ mạnh để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về dịch vụ. Thực trạng này sẽ ảnh hưởng đến năng lực phục vụ của đại lý thuế trước xu hướng gia tăng tất yếu về số lượng hợp đồng dịch vụ và các hợp đồng tư vấn có giá trị lớn.

### 2.4. Về loại hình và chi phí dịch vụ

#### 2.4.1. Về loại hình dịch vụ

Dịch vụ đại lý thuế chủ yếu cho doanh nghiệp hiện nay bao gồm đăng ký thuế, kê khai thuế; thiết lập và xây dựng hệ thống sổ sách kế toán ban đầu; làm các thủ tục đóng thuế; kiểm tra các chứng từ đầu vào, đầu ra cho phù hợp với quy định của pháp luật; thực hiện hạch toán và ghi sổ kế toán các chứng từ, các giao dịch theo quy định; lập các báo cáo thuế gửi cho cơ quan thuế định kỳ; ký hồ sơ khai thuế thay cho giám đốc doanh nghiệp; lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế hàng năm; làm việc và giải trình với cơ quan thuế thay doanh nghiệp trong phạm vi được ủy quyền.

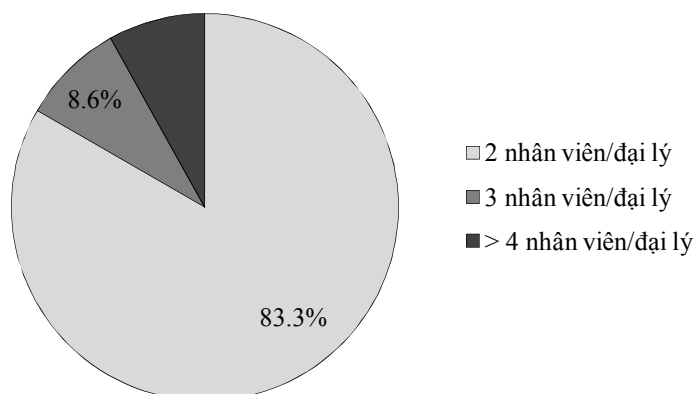
Nghiên cứu dựa trên điều tra từ 20 đại lý thuế tại Hà Nội và 7 đại lý thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong số 27 đại lý thuế, có 18 đại lý có thời gian hoạt động từ 1-5 năm, có 3 đại lý mới thành lập dưới

**Bảng 5: Quy mô đại lý theo số nhân viên có chứng chỉ hành nghề trong mỗi đại lý hết quý 1/2015**

Số nhân viên có chứng chỉ trong mỗi đại lý thuế (người)	2	3	4	5	6	7	8	9	11	18
Số đại lý thuế tương ứng (đại lý)	185	19	6	1	2	4	2	1	1	1
Tổng số nhân viên có chứng chỉ (người)	550									
Số nhân viên có chứng chỉ/1 đại lý thuế	2.48									

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2015)

**Hình 2: Tỷ lệ đại lý theo số nhân viên hành nghề trung bình đến quý 1/2015 (%)**



*Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2015)*

1 năm, có 6 đại lý hoạt động trên 5 năm. Kết quả điều tra về loại hình dịch vụ mà đại lý thuế đang tham gia cung cấp cho thấy 23/27 đại lý có cung cấp dịch vụ đăng ký thuế; 25/27 đại lý có dịch vụ khai thuế; 27/27 đại lý thực hiện tất cả dịch vụ tư vấn xây dựng hệ thống kế toán, thực hiện kế toán thuế, lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế; 13/27 đại lý có dịch vụ giải trình với cơ quan thuế thay doanh nghiệp trong phạm vi được ủy quyền.

Một số đại lý còn phát triển thêm dịch vụ tư vấn quản lý rủi ro thuế, chủ yếu là ước tính mức độ rủi ro về thuế để thông báo cho doanh nghiệp. Trong số 27 đại lý được điều tra, hiện có 5 đại lý có dịch vụ tư vấn này.

Một dịch vụ khá mới mẻ ở Việt Nam đang được một số đại lý quan tâm là tư vấn lập kế hoạch về thuế - phân tích và lựa chọn giải pháp về thuế khác

nhau để xác định khi nào, như thế nào và liệu có nên thực hiện một số giao dịch để tối ưu hoá số thuế phải nộp trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật. Điều tra 27 đại lý thì chỉ có 2/27 đại lý sẵn có loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng tiềm năng này. Ngoài ra các dịch vụ khác như đại diện cho doanh nghiệp để khiếu kiện, khiếu nại tố cáo tranh tụng trước tòa... chưa phát triển vì chưa được pháp luật cho phép.

#### 2.4.2. Về chi phí dịch vụ

Chi phí dịch vụ cho doanh nghiệp hiện nay được nhiều đại lý thiết kế theo tháng hoặc thiết kế theo gói dịch vụ.

Nếu thiết kế theo tháng, các đại lý thường dựa trên đặc điểm của ngành và số chứng từ phát sinh trong tháng để xác định mức phí dịch vụ. Các doanh nghiệp ngành sản xuất thường chịu mức phí cao hơn do số chứng từ phát sinh trong từng tháng nhiều hơn

**Bảng 6: Số đại lý thuế cung cấp một số dịch vụ về thuế**

Loại hình dịch vụ	Số đại lý có dịch vụ/số đại lý được khảo sát
Đăng ký thuế	23/27
Kê khai thuế	25/27
Tư vấn xây dựng hệ thống kế toán	27/27
Thực hiện kế toán thuế	27/27
Lập báo cáo tài chính	27/27
Quyết toán thuế	27/27
Giải trình với cơ quan thuế thay cho doanh nghiệp	13/27
Ký trên hồ sơ khai thuế thay cho giám đốc doanh nghiệp	13/27
Tư vấn quản lý rủi ro về thuế	5/27
Lập kế hoạch về thuế	2/27

*Nguồn: Điều tra của tác giả (2014)*

**Bảng 7: Phí dịch vụ - tình huống đại lý thuế Sao vàng (nghìn đồng)**

Số chứng từ trong tháng	Phí dịch vụ/tháng		
	Ngành dịch vụ	Ngành xây dựng	Ngành sản xuất
Không phát sinh chứng từ	500	500	500
Từ 1 – 10 chứng từ	1.200	1.500	1.800
Từ 11 – 20 chứng từ	1.800	2.000	2.500
21- 30	2.500	3.000	3.500
31- 50	3.000	3.500	4.000
51-70	3.500	4.000	4.500
71-100	4.000	4.500	5.000
101-150	5.000	5.500	6.000
151-200	6.000	6.500	7.500
Trên 200	8.000	8.000	10.000

*Nguồn: Công ty đại lý thuế Sao Vàng (2015)*

so với ngành khác.

Một số đại lý quy định phí dịch vụ như gói cơ bản, gói nâng cao (bao gồm gói cơ bản cộng thêm một vài dịch vụ cân đối kế toán khác), gói hoàn thiện (bao gồm gói nâng cao và các dịch vụ được ủy quyền khác). Mức phí dao động từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng/gói tùy theo số lượng dịch vụ trong từng gói.

Với hai cách quy định biểu phí dịch vụ nói trên thì đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mức phí dao động từ 0,5 triệu đến 2 triệu đồng/tháng. Đối với các doanh nghiệp lớn mức phí có thể dao động từ 5 triệu đến 8 triệu đồng/tháng. Nếu sử dụng dịch vụ đại lý thuế, doanh nghiệp nhìn chung có lợi thế

hơn so với việc thuê một lao động kế toán.

#### **2.5. Thực trạng sử dụng dịch vụ đại lý thuế**

Hiện chưa có thống kê chính thức về số lượng các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đại lý thuế ở Việt Nam. Theo HQ online (2014), Việt Nam mới có gần 700 doanh nghiệp đang sử dụng dịch vụ khai thuế qua đại lý. Theo Nguyễn Thị Cúc (2015), số doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đại lý chỉ khoảng 1000, chủ yếu tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh với 600 doanh nghiệp, Đồng Nai là 140 doanh nghiệp, Quảng Ninh là 120 doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đại lý thuế còn khiêm tốn, mới chỉ đạt khoảng 0,14% số doanh nghiệp cả nước, còn rất xa với so với mục tiêu là 3% doanh nghiệp

**Bảng 8: Phí dịch vụ - tình huống đại lý thuế Cát Tường**

Nội dung dịch vụ	Gói cơ bản	Gói nâng cao	Gói hoàn thiện
Khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng	X	X	X
Khai thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý	X	X	X
Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm	X	X	X
Khai thuế thu nhập cá nhân	X	X	X
Thủ tục khai thuế đầu năm tài chính	X	X	X
Cân đối - hoàn thiện sổ sách kế toán		X	X
Bảo vệ số liệu chứng từ			X
Giải trình với cơ quan thuế			X
Giá dịch vụ tham khảo (nghìn đồng)	<b>1.000- 1.500</b>	<b>1.500- 3.000</b>	<b>3.000- 5.000</b>

*Nguồn: Đại lý thuế Cát Tường (2015)*

**Bảng 9: Nhu cầu của doanh nghiệp về dịch vụ đại lý thuế**

Tiêu chí	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Dịch vụ đại lý thuế đã trở nên phổ biến ở Việt Nam	2,82	0,834
Tin tưởng vào chất lượng dịch vụ do các đại lý cung cấp	3,16	0,745
Yên tâm về mặt pháp lý nếu sử dụng dịch vụ	3,08	0,762
Dịch vụ đại lý thuế mang lại lợi ích cho doanh nghiệp	2,78	0,847
Mong muốn sử dụng dịch vụ do các đại lý cung cấp	3,24	0,729

*Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả (2015)*

sử dụng dịch vụ đến hết 2015 và 10% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đến năm 2020 được đặt ra trong Kế hoạch phát triển hệ thống đại lý thuế đến 2020.

Doanh nghiệp thiếu “mặn mà” với dịch vụ đại lý thuế là do nhiều nguyên nhân. Kết quả điều tra 50 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội về nhu cầu sử dụng dịch vụ cho thấy mức độ mong muốn sử dụng dịch vụ chỉ đạt mức trung bình (điểm trung bình là 3,24 và độ lệch chuẩn là 0,729). Một số nguyên nhân dẫn đến nhu cầu thấp là do nhận thức của doanh nghiệp về sự phổ biến của dịch vụ còn hạn chế (điểm trung bình là 2,82), thiếu tin tưởng vào chất lượng dịch vụ (điểm trung bình là 3,16), chưa thực sự yên tâm về mặt pháp lý khi sử dụng dịch vụ (điểm trung bình là 3,08), chưa nhận thức được lợi ích của dịch vụ (điểm trung bình là 2,78). Chính sách tuyên truyền yếu cùng với thiếu các quy định ứng xử chuyên nghiệp của đại lý thuế là nguyên nhân gốc rễ của vấn đề nêu trên. Hơn nữa, hạn chế năng lực đại lý thuế còn gây tâm lý lo ngại cho người sử dụng. Điều này dẫn đến nhu cầu đổi mới chính sách đào tạo và hỗ trợ thông tin cho đại lý thuế.

Từ thực tế sử dụng và nhu cầu sử dụng dịch vụ nói trên, các đại lý thuế khó có thể duy trì hoạt động nếu chỉ kinh doanh đơn thuần các dịch vụ về thuế. Vì vậy “các đại lý thuế hoạt động và tồn tại, phát triển chủ yếu từ các hoạt động ngoài làm dịch vụ thủ tục về thuế” (Nguyễn Thị Cúc, 2015).

### **2.6. Rào cản chính sách của Nhà nước**

Hạn chế phát triển đại lý thuế tại Việt Nam xuất phát từ một số rào cản chính sách chủ yếu sau:

Chính sách phát triển đại lý thuế mới chỉ thể hiện trong điều 20 của Luật quản lý thuế 2006 và Thông tư số 117/2012/TT-BTC (Bộ Tài chính, 2012) về hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, mà chưa có khung pháp lý thống nhất như Luật, Nghị định về đại lý thuế. Để thể hiện một hệ thống chính sách phát triển đại lý thuế, Nhà nước không

thể chỉ dựa vào một hoặc một vài điều trong Luật quản lý thuế 2006.

Thiếu quan điểm rõ ràng, định hướng chính sách phát triển đại lý thuế, hệ thống mục tiêu chính sách mới chỉ đề cập đến số nhân viên hành nghề được cấp chứng chỉ, tỷ lệ pháp nhân sử dụng dịch vụ, tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ. Thiếu mục đích cho đến các mục tiêu cụ thể sẽ khó có thể đánh giá được tác động của chính sách đến phát triển đại lý thuế.

Chính sách đăng ký thành lập, hoạt động đại lý thuế chưa thực sự cởi mở. Giới hạn về mô hình kinh doanh dịch vụ, đối tượng đăng ký hành nghề, phạm vi dịch vụ, tổ chức được cấp chứng chỉ làm dịch vụ đang cản trở phát triển số lượng đại lý và sự đa dạng hóa dịch vụ. Các quy định về trách nhiệm vẫn chưa tạo lập được cơ chế đảm bảo quyền, lợi ích của các bên trong quan hệ dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Chính sách đào tạo, hỗ trợ thông tin chưa đáp ứng mục tiêu tăng cường năng lực đại lý thuế. Quy định về tăng cường năng lực trong quá trình hành nghề như quy định đào tạo bắt buộc, đào tạo lại chưa được đề cập, làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ đại lý thuế. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo bồi dưỡng thi cấp chứng chỉ hành nghề chưa được làm rõ, cùng với đó là thiếu hệ thống giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Cơ quan thuế chưa có giải pháp hỗ trợ thông tin tích cực cho đại lý thuế, hiện áp dụng chính sách chung cho mọi doanh nghiệp cần thông tin về thuế trong đó có đại lý thuế.

Chính sách tuyên truyền dịch vụ đại lý thuế chưa đủ tác động mạnh mẽ lên nhu cầu sử dụng dịch vụ, chủ yếu chỉ mang tính chất tuyên bố được thể hiện trong Kế hoạch phát triển hệ thống đại lý thuế đến 2020. Chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức tuyên truyền chưa được xác định cụ thể. Kết quả là nhận thức của doanh nghiệp về dịch vụ đại lý thuế còn mờ nhạt.

### 3. Một số khuyến nghị chính sách phát triển đại lý thuế tại Việt Nam

*Thứ nhất*, trước mắt, Quốc hội ưu tiên sửa đổi Luật quản lý thuế 2006 để tạo điều kiện pháp lý phát triển đại lý thuế. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia có hệ thống đại lý thuế phát triển cho thấy Luật đại lý thuế là chính sách mở đường cho sự phát triển đại lý thuế (Nguyễn Thị Lệ Thúy, 2014). Trong dài hạn, ban hành Luật đại lý thuế là tất yếu, thể hiện không chỉ quy định về thành lập, hoạt động của đại lý thuế mà cần thể hiện đầy đủ khung chính sách phát triển đại lý thuế.

*Thứ hai*, cần xác định hệ thống quan điểm và mục tiêu phát triển đại lý thuế nhằm định hướng rõ ràng cho ban hành, hoàn thiện và đổi mới chính sách phát triển đại lý thuế.

Cần nhìn nhận đại lý thuế là khách hàng đặc biệt, với các vai trò (1) tư vấn và hỗ trợ các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục về thuế; (2) hỗ trợ cơ quan thuế giảm tải công việc quản lý thuế (3) truyền thông chính sách thuế đến người nộp thuế; (4) tư vấn chính sách cho cơ quan thuế. Vì vậy, đại lý thuế là một “đối tác” phối hợp tích cực với cơ quan thuế. Ban hành hay hoàn thiện bất kỳ chính sách nào để phát triển đại lý thuế cần bắt đầu từ các quan điểm nói trên.

Mục tiêu dài hạn của chính sách là tăng cường sự tin tưởng của doanh nghiệp đối với đại lý thuế, phát triển số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ. Do vậy, chính sách phát triển cần hướng tới mục tiêu cụ thể là phát triển số lượng đại lý, nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ và chất lượng dịch vụ; đảm bảo tính tuân thủ của đại lý trong đăng ký và hành nghề.

*Thứ ba* là hoàn thiện chính sách đăng ký thành lập, hoạt động của đại lý thuế.

Nghiên cứu quy định cho phép mở rộng thêm hình thức tổ chức đại lý, theo đó đại lý thuế bao gồm (1) đại lý là cá nhân có đủ điều kiện và chứng chỉ hành nghề theo quy định; (2) đại lý có thể là quan hệ đối tác: các đối tác có thể là cá nhân, hoặc công ty; (3) công ty như công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn.

Cho phép đại lý mở rộng dịch vụ như đại diện cho doanh nghiệp trong khiếu nại, khiếu kiện về thuế, đại diện cho doanh nghiệp trong quá trình tranh tụng trước tòa về các vấn đề thuế hoặc hỗ trợ cho luật sư giải trình thay doanh nghiệp trước tòa nội dung liên quan đến thuế, chịu trách nhiệm trọn gói về công việc thuế của doanh nghiệp.

Mở rộng phạm vi các tổ chức công và tư có thể tổ

chức thi cấp chứng chỉ hành nghề làm dịch vụ về thuế song song với ban hành tiêu chuẩn đối với cơ sở thực hiện dịch vụ và hệ thống kiểm soát chất lượng cung cấp dịch vụ.

Ban hành Bộ quy tắc ứng xử chuyên nghiệp của đại lý, trong đó thể hiện tính trung thực, tính độc lập và trách nhiệm nghề nghiệp của đại lý thuế. Bộ quy tắc có thể do Ngành thuế ban hành hoặc phối hợp với Hội tư vấn thuế, câu lạc bộ đại lý để ban hành.

*Thứ tư* là đổi mới chính sách đào tạo và hỗ trợ thông tin nhằm nâng cao năng lực của đại lý thuế.

Nhân viên có chứng chỉ hành nghề bắt buộc phải đào tạo lại pháp luật thuế, pháp luật khác có liên quan, kế toán thuế, kỹ năng thực hiện thủ tục thuế khác nếu khách hàng mà họ đại diện phản nản về chất lượng dịch vụ, hay khách hàng liên tục vi phạm lỗi kê khai thuế, báo cáo thuế hoặc vi phạm luật thuế. Đặc biệt, nếu đại lý được mở rộng dịch vụ, chịu trách nhiệm trọn gói về công việc thuế thay khách hàng thì quy định đào tạo lại cần phải chặt chẽ hơn và gắn liền với xây dựng hệ thống giám sát chất lượng dịch vụ đại lý thuế.

Đại lý thuế cần được ưu tiên hỗ trợ thông tin để đảm bảo thực hiện tốt vai trò trung gian thuế. Các giải pháp chủ yếu như cổng thông tin điện tử dành cho đại lý, thiết kế và vận hành đường dây điện thoại chuyên dùng với sự tư vấn của các chuyên gia kỹ thuật về thuế, diễn đàn trao đổi giữa đại lý và cơ quan thuế, xuất bản rộng rãi hướng dẫn thực hành và tờ rơi cho người hành nghề thuế, xây dựng hệ thống quản lý tài khoản đại lý với sứ mệnh là truyền thông các thông điệp cho đại lý và hỗ trợ các vấn đề mà họ không thể giải quyết được thông qua các kênh hỗ trợ khác. Ngành thuế có thể thiết lập các kênh hỗ trợ kỹ thuật đặc biệt khác như tập huấn sử dụng bộ công cụ kiểm tra thu nhập của khách hàng, hay chương trình hỗ trợ kỹ thuật kê khai và nộp thuế điện tử dành riêng cho đại lý.

*Cuối cùng*, hoàn thiện chính sách tuyên truyền dịch vụ đại lý cũng là một trọng tâm nhằm nâng cao ý thức sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp, tập trung vào doanh nghiệp nhỏ và vừa với hệ thống kế toán thuế yếu, hiểu biết về pháp luật thuế hạn chế và chi phí tuân thủ thuế cao so với chi phí dịch vụ đại lý thuế. Mỗi cán bộ thuế cần được coi là một khâu xung yếu trong hệ thống tuyên truyền. Công bố rộng rãi danh sách các đại lý tuân thủ tốt quy tắc ứng xử nghề nghiệp trên các phương tiện thông tin cũng là một kênh có sức lan tỏa mạnh mẽ đến nhu cầu sử dụng dịch vụ đại lý thuế. □



## Tài liệu tham khảo

- HQ online (2014), ‘Phát triển đại lý thuế, để cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp’, *Báo Hải Quan Online*, truy cập lần cuối ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ <<http://www.baohaiquan.vn/Pages/Phat-trien-dai-ly-thue-de-cat-giam-chi-phi-cho-DN.aspx>>.
- Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 117/2012/TT-BTC hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế*, ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2012, Hà Nội.
- Khánh Huyền (2014), Tìm giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đại lý thuế, *Thời báo Tài chính*, truy cập lần cuối ngày 02 tháng 03 năm 2015, từ <<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/2014-08-26/phat-trien-dai-ly-thue-nham-cai-cach-hanh-chinh-thue-12787.aspx>>.
- Lê Xuân Trường (2004), ‘Vai trò của dịch vụ tư vấn trong công tác quản lý thuế’, *Thuế Nhà nước*, 6, 7-8.
- Lê Xuân Trường (2009), ‘Phát triển dịch vụ thuế để nâng cao hiệu lực quản lý thuế và cải thiện môi trường đầu tư’, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Học viện Tài chính.
- Nghi Thủy (2014), ‘Phát triển hệ thống đại lý thuế ở Việt Nam’, *Tạp chí tài chính*, truy cập lần cuối ngày 02 tháng 03 năm 2015, từ <<http://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/su-kien-tai-chinh/phat-trien-he-thong-dai-ly-thue-o-viet-nam-46249.html>>.
- Nguyễn Cẩm Tâm (2012), ‘Phát triển dịch vụ thuế tư tại Việt Nam’, *Tạp chí tài chính*, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ <<http://tapchitaichinh.vn/ngghien-cuu-trao-doi/trao-doi—binh-luan/phat-trien-dich-vu-thue-tu-o-viet-nam-16680.html>>.
- Nguyễn Cẩm Tâm (2013), *Phát triển dịch vụ thuế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện tài chính.
- Nguyễn Thanh Tú (2013), ‘Một số bất cập trong quy định về đại lý thuế tại Việt Nam và giải pháp hoàn thiện’, *Tạp chí Luật học*, số 6-2013, truy cập lần cuối ngày 05 tháng 3 năm 2015, từ <<https://luattaichinh.wordpress.com/2013/08/23/mot-so-bat-cap-trong-quy-dinh-ve-dai-ly-thue-tai-viet-nam-v-giai-php-hon-thien/>>.
- Nguyễn Thị Cúc (2015), *Bài phát biểu tại Tọa đàm về giải pháp phát triển Đại lý thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh*, truy cập ngày 02 tháng 4 năm 2015, từ <<http://www.vtca.vn/vtca.nsf/0/Toa-dam-ve-giai-phap-phat-trien-Dai-ly-thue-tai-Tp.-Ho-Chi-Minh-28.htm>>.
- Nguyễn Thị Lệ Thúy (2014), ‘Chính sách đăng ký, hoạt động và cung cấp dịch vụ hỗ trợ đại lý thuế- Kinh nghiệm một số quốc gia’, *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, 209 (II), 140-147.
- OECD (2008), *Study into the role of tax intermeriary*, OECD Publishing.
- Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 732/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế Việt Nam 2011- 2020*, ban hành ngày 27 tháng 5 năm 2011, Hà Nội.
- Tổng cục Thuế (2007), *Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.
- Tổng cục Thuế (2015), *Danh sách đại lý thuế đủ điều kiện kinh doanh làm dịch vụ thủ tục về thuế*, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 5 năm 2015, từ <<http://www.gdt.gov.vn/wps/portal>>.
- Tổng cục Thuế (2015), *Danh sách người nộp thuế, thuộc diện quản lý của cơ quan thuế*, Hà Nội.
- Công ty đại lý thuế Sao Vàng (2015), *Biểu phí dịch vụ*, truy cập lần cuối ngày 08 tháng 5 năm 2015, từ <<http://www.saovangco.com/vn/trang/phi-dich-vu-dai-ly-thue-cho-doanh-nghiep.html>>.
- Đại lý thuế Cát Tường (2015), *Biểu phí dịch vụ*, truy cập lần cuối ngày 08 tháng 5 năm 2015, từ <<http://www.daily-thuevn.vn/vn/dich-vu.html>>.

---

## Thông tin tác giả:

\* **Nguyễn Thị Lệ Thúy**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học quản lý, trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước, Chính sách công

- Một số Tạp chí tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Thương mại*, *Tạp chí Thuế nhà nước*, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*.

- Địa chỉ Email: [pvbao2006@yahoo.com](mailto:pvbao2006@yahoo.com)